

标准教程  
Giáo trình chuẩn

# HSK

主编: 姜丽萍

编者: 鲁江  
刘畅

越文翻译:

阮氏明红 博士  
胡志明市师范大学教师

Chủ biên: Khương Lệ Bình

Biên soạn: Lỗ Giang  
Lưu Sương

Bản dịch tiếng Việt:

Tiến sĩ Nguyễn Thị Minh Hồng  
Giảng viên trường Đại học Sư phạm  
Thành phố Hồ Chí Minh

练习册  
Sách bài tập

# 5

下 Tập 2

NTV

Công ty TNHH  
Nhân Trí Việt



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



dùng kèm với  
một đĩa MP3

标准教程  
Giáo trình chuẩn

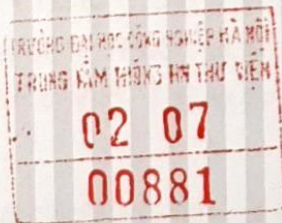
# HSK

主编: 姜丽萍

编者: 鲁江  
刘畅

越文翻译:

阮氏明红 博士  
胡志明市师范大学 教师



Chủ biên: Khuong Lê Bình

Biên soạn: Lỗ Giang  
Lưu Sướng

Bản dịch tiếng Việt:

Tiến sĩ Nguyễn Thị Minh Hồng  
Giảng viên trường Đại học Sư phạm  
Thành phố Hồ Chí Minh

练习册

Sách bài tập

# 5 下 Tập 2

Kiểm tra: 1. Nguyễn Thị Minh Hồng  
2. Quách T. Hồng

NTV

Công ty TNHH  
Nhân Trí Việt



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

# 使用说明

《HSK 标准教程 5 练习册》与《HSK 标准教程 5》配套使用，全书分上、下两册，每册 18 课，共计 36 课，每课设置听力、阅读和书写三个部分。练习册在编写设计上体现了“考教结合、以考促教”的编写理念，内容与 HSK 考试（五级）接轨，题型设置、话题选取、语料长短、命题角度等均与真题一致，目的在于使学生得到全面有效的训练与提高。

1. **听力**。听力部分包括听单一话轮选择正确答案、听多话轮对话选择正确答案、听短文选择正确答案三类试题。

2. **阅读**。阅读部分包括选择合适的词语或句子填入短文的空白处、选择与短文内容一致的答案选项、读短文选择正确答案三类试题。

3. **书写**。书写部分包括排列词语组成句子、用所给词语进行段落写作两类试题。由于看图写作题在教材中的运用部分已安排训练，所以练习册中不再练习。

上册练习册附录部分提供 HSK（五级）介绍，方便学习者全面了解该等级考试的基本情况；下册练习册附录部分提供 HSK（五级）模拟试卷一套，力求以教材所学的生词及语言点为考察重点，话题和难度尽可能地贴近真题，学习者可通过模拟试卷进行考前检测。

练习册是教材课后练习的延伸与补充，各课的题目数量按每套五级真题三分之一的比例进行缩减（参见下面的对照表），既保证了必要的练习题量，又不会使学习者感到任务过于繁重。

考试内容		试题数量（个）				答题时间（分钟）	
		真题		练习册		真题	练习册
一、听力	第一部分	20	45	6	14	约 35	约 10
	第二部分	25		8			
二、阅读	第一部分	15	45	4	14	45	15
	第二部分	10		4			
	第三部分	20		6			
三、书写	第一部分	8	10	3	4	40	15
	第二部分	2		1			
共计		100		32		约 120	约 40

HSK（五级）考试与前四级考试明显的差异在于以下几点：一是词汇量陡然增加。五级新增词汇 1300 个，五级考试试题语料允许有 15% 的超纲词，这对学生日常词语的积累提出了很高的要求。二是语言点考察以中高级副词、各类虚词以及复杂的复句结构为主，测试侧重在不同语境下对汉语的理解和综合运用上。三是话题的深度和层次有明显跃升。五级话题大类并未增加，但各类话题的层次明显细化，涉及的具体范围、场景都较之前各级考试有很大的扩容和深化。四是更加重视写作能力的考察。五级考试中设置了规定情景的写作内容，由组词成段到看图自主写作都有涉及，完成了由组句到篇章表达的过渡，所以，语篇表达的训练应作为教师和考生日常训练的主要内容。

针对以上变化，我们在练习册的编写中，有意识地加大了词汇的拓展和复现，努力将每课语言点和课文所学词语在练习中进一步操练。由于五级新增词语较多，各话题词汇不可能在课文中完全涵盖，故练习册选取语料时，尽量予以补充完善，并融入新的旧字新词，力求加大五级词汇的覆盖率，为学生创造在自然语境中理解新词语的机会。

本练习册建议教师以作业形式布置给学习者，完成练习后学习者可对照答案评估学习效果。学习者共同的问题，教师可择机在课堂上进行解答。

以上是对本练习册使用方法的一些说明和建议，教师在教学过程中可以根据实际情况灵活使用。希望这本练习册可以帮助每位学习者在汉语学习上取得更大收获，顺利通过 HSK（五级）考试。

编者

（前级）词汇覆盖率		（个）量级增加		内容占比
词汇量	覆盖率	词汇量	覆盖率	
01 级	22 万	0	0	0.1
02 级	32 万	10 万	31%	0.2
03 级	42 万	10 万	24%	0.3
04 级	52 万	10 万	19%	0.4
05 级	62 万	10 万	16%	0.5
06 级	72 万	10 万	14%	0.6
07 级	82 万	10 万	12%	0.7
08 级	92 万	10 万	11%	0.8
09 级	102 万	10 万	10%	0.9
10 级	112 万	10 万	9%	1.0

# 目 录

第七单元 交流文化 .....	7
19 家乡的萝卜饼 .....	8
20 小人书摊 .....	15
21 汉字叔叔：一个美国人的汉字情缘 .....	22
第八单元 体会教育 .....	29
22 阅读与思考 .....	30
23 放手 .....	37
24 支教行动 .....	44
第九单元 感受人生 .....	51
25 给自己加满水 .....	52
26 你属于哪一种“忙” .....	59
27 下棋 .....	66

第十单元 关注经济 .....	73
28 最受欢迎的毕业生 .....	74
29 培养对手 .....	81
30 竞争让市场更高效 .....	88
第十一单元 观察社会 .....	95
31 登门槛效应 .....	96
32 身边的环保 .....	103
33 以堵治堵——缓解交通有妙招 .....	110
第十二单元 亲近自然 .....	117
34 鸟儿的护肤术 .....	118
35 植物会出汗 .....	125
36 老舍与养花 .....	132
附录：HSK（五级）模拟试卷 .....	139